

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Địa chỉ: Thôn Lũng Lô - Huyện Phục Hòa - Tỉnh Cao Bằng

Số 4/2017 - Fax: 0206.329.111 - Email: ccbongmiam@gmail.com

Văn phòng: Văn phòng dự án công nghiệp số 0000000017

**CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN****ĐIỂM ĐỒNG CỎ ĐƯỜNG THUYÊN MIỀN 2019**

Thời gian: Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

Địa điểm: Hồ Hoàng Công, Thôn Lũng Lô - Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

S.T.T	Thời gian	Nội dung (chính thức)	Chủ trì
1	7:00 - 8:30	Đông lý đoàn dự đại hội	Đan số chức
2	8:30 - 9:30	Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu	Đan số chức
3	9:30 - 9:55	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu	Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu
4	9:55 - 10:00	Giới thiệu Chủ tịch đoàn, cử thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu và thông qua Chương trình Đại hội đồng qua Quy chế tổ chức	Chủ tọa
5	10:00 - 10:30	Các báo cáo tại Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ HĐQT 2018 - 2019 và phương hướng nhiệm vụ HĐQT 2019 - 2020; Báo cáo của TGD về kết quả sản xuất kinh doanh MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh MĐTC 2019 - 2020; Báo cáo hoạt động của BKH MĐTC 2018 - 2019 và phương hướng hoạt động MĐTC 2019 - 2020. 	Chủ tọa
6	10:30 - 10:45	Các tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> Tờ trình Thông qua Báo cáo của HĐQT, BKH; Tờ trình Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh MĐTC 2019 - 2020; Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán MĐTC 2018 - 2019; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận MĐTC 2019 - 2020; Tờ trình trả lại HĐQT, BKH, Ban TGD MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch trả lại MĐTC 2019 - 2020; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán MĐTC 2019 - 2020; Tờ trình Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc; Tờ trình Thông qua thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT. 	Chủ tọa
7	10:45 - 10:50	Thảo luận các vấn đề bổ sung	Chủ tọa
8	10:50 - 10:45	Hàng rào bầu phiếu	Ban kiểm phiếu
9	10:45 - 11:00	Nghỉ giải lao	
10	11:00 - 11:20	Công bố kết quả kiểm phiếu	Đại diện Ban kiểm phiếu
11	11:20 - 11:40	Thông qua Hiến chương, Nghị quyết tại Đại hội	Thư ký, Chủ tọa

DỰ ĐÁO

Cao Bằng, ngày 21 tháng 10 năm 2019



QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 63/2014/QH12 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Giám sát trình tự, nguyên tắc ứng xử, hiệu quả tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng để ra quyết định và thành công sứ mệnh.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyên tắc quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ khác của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (Theo Điều 27 Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 1/3 tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 15 (mười) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hoặc hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ấn định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 1/3 tổng số phiếu biểu quyết.
- Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các số đông của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và người đại diện theo ủy quyền của số đông và Hội đồng quản trị (theo danh sách số đông đăng ký trước ngày 15/03/2018) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Các ông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của đây được gọi là "Đại biểu" khi vào phòng Đại hội phải có một trong thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ông và/hoặc anh, chị và/hoặc em giữ tập tại Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, đặc biệt thông tin về số đông và bản quyền tài sản, không sao chép, ghi âm hoặc video người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
5. Không bắt đầu là trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, từ và các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không sử dụng.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 01 thành viên. Chủ tịch Đại hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông bầu quyết thông qua tại Đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các vấn đề đang có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, lấy luận chứng và đề cử nhân sự Đại hội nhân quyền;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Người chỉ hân việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung thảo luận, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa gọi (thừa) thông qua Ban Tổ chức Đại hội; Chức trách nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ của nhân sự được sự thỏa thuận của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra và rà soát Đại biểu dự họp (bản của anh);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn bản, lấy luận chứng, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông tin của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, và viết Phiên thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
 - d. Chỉ đạo kỹ thuật trong Đại hội liên hệ với công nhân viên Đại hội và các vấn đề đã được thông qua trước của Ban ý của nhân sự Đại hội;
 - e. Báo cáo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tính hợp lệ đồng đầu dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình công tác dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Misa được Cao Bằng được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (không qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Phân tài tiền, phiếu biểu quyết, đồng bộ số lượng và đồng đầu dự Đại hội.
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký.
- Thực hiện việc kiểm phiếu báo cứ theo quy định tại Quy chế đã có, ông có và báo cáo tại Đại hội.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thủ tục biểu quyết, báo cáo hoặc đưa ra khiếu nại và kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thủ tục tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đóng góp nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch thừa nhận mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung các ngày họp, trình tự công lập.

2. Chế độ ý kiến của các Đại biểu

- Trình cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các văn bản được đề nghị trực tiếp tại Đại hội tại được Công ty Cổ phần Mita Đông Cao Bằng sẽ chỉ trực tiếp bằng văn bản.

Điều 16. Biên quyết thông qua các văn bản

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các văn bản trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và công bố biên quyết công khai bằng cách gọi Tây biểu quyết hoặc 50 phần trăm bằng phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu và ghi trực tiếp của đại biểu tại đại hội (theo mẫu số 01 kèm theo dự thảo), mỗi đại biểu được cấp 01 Phiếu biểu quyết. Tên Phiếu biểu quyết có ghi ở mặt số đầu phiếu, họ tên, số cổ phần có biểu và chức vụ quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các văn bản ở Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:
 - Biên quyết bằng hình thức gọi Tây biểu quyết (hình thức này được dùng để thông qua các văn bản như Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, Thành phần Ban kiểm soát, thông qua Điều lệ Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội biểu quyết).
 - Biên quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết (hình thức này được dùng để thông qua các nội dung tổ chức Đại hội, được xác định và ghi ở trong từng phiếu biểu quyết gọi cho mỗi cổ đông).

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu được tiếp cận biểu quyết ở Tân thành, Không gian thành phố Kháng 7 biểu quyết của đại biểu được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách gọi các Tây biểu quyết hoặc điền vào phiếu in từ được trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung của biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức gọi Tây biểu quyết, Cổ đông gọi các Tây bằng số phiếu được chia theo tỷ lệ. Nếu có hơn 50% Cổ đông biểu quyết gọi Tây thì văn bản của biểu quyết được nhất trí thông qua.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, khi vote bằng số bằng đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "-" vào ô thích hợp. Sau khi hoàn tất thì các nội dung của biểu quyết của Đại hội, đại biểu gọi Phiếu biểu quyết về trong phiếu in đã được in sẵn phông tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm soát. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Chủ trì chức phát ra.
- Phiếu không có chữ ký chữ ký của Đại biểu.
- Phiếu biểu quyết bị rách nát, sai sót, ghi thêm nội dung biểu quyết.
- Các văn bản biểu quyết không được lưu chọn hoặc lưu chọn nhiều hơn một phương án theo một Tổ chức Đại hội.

4. Thủ tục biểu quyết (Chi tiết quy định tại Khoản 3 và khoản 4, Điều 24 Điều lệ công ty)

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phần trăm quyền của các cổ đông dự họp của thành:
 - + Loại bỏ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 15% giá mua lần phát hành (tổng giá trị tài sản được giữ trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - + Tổ chức lại, giải thể công ty.
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi một phần trăm) tổng số phần trăm quyền của các cổ đông dự họp của thành.

Điều 11. Điều khoản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Điều khoản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thủ tục Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ mời rời và có hình thức xử lý theo Điều 8 Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế tổ chức ĐHCCH này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nông Văn Lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tân Lãng - Huyện Phục Hòa - Tỉnh Cao Bằng
 Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113
 Mã số thuế: 4800104012

ISO 9001: 2015

Số: *PM*/BC-HĐQT

Phục Hòa, ngày *21* tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

**VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN VỤ 2018-2019
 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2019-2020**
 (Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN VỤ 2018 - 2019

Thực qui định tại Điều lệ hoạt động Công ty, tổ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2019 là 05 người,

Niên vụ 2018-2019 hoạt động của HĐQT với đầy đủ 05 thành viên, không có việc thiếu vắng và bổ sung thành viên.

1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Tình hình chung:

Niên vụ 2018-2019 là một năm đặc biệt khó khăn cho ngành đường Việt Nam. Giá đường giảm sâu do tình hình chi cung lớn, giá bán hoặc đường kính trắng giảm sâu từ mức thấp 328-330 USD/tấn. Dự lập học đường nhập lập, Áp học về việc xóa bỏ hạn ngạch thuế quan đối với một hàng đường theo hiệp định AFTA từ ngày 01/01/2018. Tốc độ tăng sản xuất vụ sản xuất 2018-2019 lượng đường tăng khoảng 600.000-800.000 tấn.

Tổng diện tích mía cả nước là 218.067.241,407 ha đạt 98,61% so với vụ trước, Tổng sản lượng mía: 12.800.808/15.430.648 tấn, đạt 71,36% so với vụ trước, Năng suất mía bình quân 60,41/63,9 tấn/ha đạt 94,3% so với vụ trước.

Chiều cao mía vụ niên vụ 2018-2019 giảm từ 350-800-850/tấn mía 10 CUS, giảm từ 130.000 - 200.000 đồng/tấn so với vụ trước tập theo từng nhà máy.

Niên vụ 2018 -2019 có nước: Có 36 nhà máy đường hoạt động, Kết thúc vụ sản xuất nhà máy đã bị được khoảng 12 triệu tấn mía, sản lượng đường đạt sắp từ 1,2 triệu tấn, giảm 19% so với vụ trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.1. Về phát triển vùng nguyên liệu

Thực hiện Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu giai đoạn 2012-2015; HĐQT đã tập thể hình thành các chính sách phù hợp với từng giai đoạn để ổn định

và môi sống phát triển sống nguyên bản nước; Dầu tư mùa giống mới có năng suất, chất lượng cao (hình dáng trắng thóc nguyên giống 8831), tiếp tục đầu tư phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, tưới cỏ, máy cấy mới... cho các hệ trồng mùa bằng phương thức đng trước không tích lũy. Tuy nhiên trước việc đng cần đảm bảo thực hiện trồng và chăm sóc cây mùa theo quy trình kỹ thuật, trồng mùa theo mô hình trồng luân canh.

Về giá thu mua lúa: Mặc dù có rất nhiều khó khăn, giá đường trong nước liên tục giảm sút. Nhưng Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc Hợp đồng thu mua, với các mức giá đã công bố: - Lần 1 tại ruộng là 870 đồng; tại Nhà máy là 930 đồng.

- Lần 2 tại ruộng là 850 đồng; tại Nhà máy là 900 đồng.

- Giá thu mua ĐQ là 846,61 đồng.

2.1.2. Về sản xuất chế biến.

2.1.2.1. **Biên chế đường kính:** Đầu tư 03 máy biến tần cho các máy ép 1.2.3; thay thế bộ quá nhiệt cấp 1 cho Lò hơi; hoàn thiện bộ thông khí đường, thành phần nhận công của an toàn cho sản xuất và vận hành chế biến. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo công suất chế biến đạt 1.700 tấn mía/ngày. Tổng sản lượng đường nhập kho năm vụ là 18.945,85 tấn. Trong đó: Đường Trắng: 8.603,35 tấn, đường Vàng: 10.342,5 tấn.

Sản phẩm đường kính trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 7968:2008; Sản phẩm đường kính Vàng đạt tiêu chuẩn cơ sở.

2.1.2.2. **Đầu tư sản xuất Phân vi sinh:** Công ty không sản xuất Phân vi sinh do không hiệu quả và không có thực tiễn pháp; duy trì thu gom xử lý hệ bùn hỏng như vì sinh và bán trực tiếp cho khách hàng có nhu cầu.

2.1.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội năm 2008

Chỉ tiêu (1)	ĐVT (2)	Nghị quyết (3)	TH vụ 18-19 (4)	% (4/3)
1. Sản lượng mùa vụ	Tấn	160.000	190.694	119,1
2. Tổng sản lượng đường kính	Tấn	17.362	18.945,85	108,93
Trong đó: Đường Trắng	Tấn	8.600	8.603,35	100,04
Đường Vàng	Tấn	8.790	10.342,5	117,63
3. Sản lượng mặt nước	Tấn	6.250	8.373	133,9
4. Sản lượng phân hữu cơ (biên, mô)	Tấn	4.030	1.360	34,1
5. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	263.964	362.180	60,97
6. Lợi nhuận từ SXKD	Tỷ đồng	4.600	-28.686	-628,20
7. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		28.716,	
8. Tỷ lệ chi trả Cổ tức	%		0	

2.1.2.4. Công tác Đầu tư SXKD và thành tựu.

Trong năm đã thành quyết xong các hạng mục đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

1. Kho thành phần đường số 3 1.182

Cộng phần XDCH 1.182

- Máy móc, thiết bị mua mới, lắp đặt hoàn thành:

1. Tủ bảo ôn cho đồng cơ máy áp - 1 tủ	1.303
2. Hệ thống thiết bị sấy đường TP - 1 HT	823
3. Bộ quá nhiệt cấp 1 lò hơi - 1 bộ	1.159
4. Máy bơm ly tâm - 1 cái	140
5. Máy in Phun SGP 698	88

Cộng phần thiết bị 3.613

Tổng vốn đầu tư thực hiện đầu tư XDCH và mua sắm thiết bị trong năm là 4.795 triệu đồng, sử dụng từ nguồn vốn tự có.

2.2. Về các mặt công tác khác

2.2.1. Về quản lý lao động

Công ty luôn quan tâm tuyển dụng, đào tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, khuyến khích sự phát triển, đóng góp của người lao động vào mục đích phát triển của Công ty. Chất lượng đội ngũ của bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đánh giá năng lực hàng năm, rà soát lại đội ngũ của bộ quản lý các đơn vị, quy hoạch, đào tạo của bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

2.2.2. Quản lý chất lượng:

Thực nay Công ty đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn giám sát và quản chế các chỉ tiêu để ra, các quy trình làm việc được bổ sung có hiệu quả, chất lượng công việc được nâng lên.

2.2.3. Về quản lý môi trường

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, khí chứa hóa chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo toàn bộ nước sau khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng qui định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải và phế phẩm được tái ngay hoặc đầu được tái sử dụng theo qui định của cơ quan chức năng.

2.2.4. Về công tác xã hội

Công ty luôn tham gia đóng góp xây dựng các quỹ : an ninh quốc phòng, Quỹ phòng chống thiên tai, khuyến học, ủng hộ các dự án phòng chống thiên tai...

2.2.5. Về công tác công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018-2019.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện hợp đồng ký và đạt xuất sắc giải quyết, xử lý công việc được kịp thời. Tại các kỳ họp HĐQT định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ của kỳ trước, xác định nhiệm vụ, đưa ra các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ của kỳ sau.

Các kỳ họp của HĐQT trong năm vụ 2018-2019:

1.4.5. Kỳ họp đồng masa báo nước của Ban Công ty TNHH Thực nghiệp Tân Mỹ, Long Châu-Trung Quốc.

- Nước dùng ăn ly tầm pha loãng 65-70 Đx.
- Nước dùng ăn lỏng 14 Đx. Số lượng và 7 loại 1.800 tấn quy đương.

1.4.6. Thông qua nội dung để in tài cơ của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian hoàn thành lập dự án trước tháng 12/2018.

1.5. Kỳ họp chất nhận (đó 80/80)QT

Ngày 5/10/2009 HXXQT đã xem xét thông nhất thông qua các nội dung:

- 1.5.1. Thời gian bổ chức ĐHCD thường niên năm 2019 vào ngày 31/10/2018.
- 1.5.2. Các công tác chuẩn bị cho ĐHCD thường niên năm 2019.

- Công ty thuê tư vấn tư nhân ĐHCD.
- Các báo cáo của công ty trình ĐHCD

4. Đánh giá kết quả hoạt động của HXXQT.

4.1. Trong năm 2018-2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đã thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 03 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm đạt hiệu suất thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã giao.

4.2. Trong quá trình hoạt động HXXQT đã phối hợp tương đối tốt giữa các đơn vị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, tư nhân Đông, tư nhân chất nhận, đã thực hiện công tác kiểm tra, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.3. Thực hiện đầu tư Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững theo diện tích đã được qui hoạch, từng bước đưa cơ giới hoá vào sản xuất cây mía, đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất nhà máy.

Đảm bảo chất lượng cây mía trồng theo chuẩn của, cải tạo, đổi mới thiết bị, đồ công cụ nông nghiệp, hiệu suất nông thu hoạch, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, các thành viên Hội đồng quản trị chú trọng lao động, tập sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty. Các hoạt động của Công ty đã đi vào nề nếp có hiệu quả và đóng góp ngân sách Nhà nước.

4.4. Hoạt động giữa các Hội đồng quản trị với Ban điều hành

4.4.1. HXXQT đã thực hiện tốt việc phân công phụ trách công tác giám sát cho từng thành viên HXXQT, giám sát hoạt động Ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCD, Nghị quyết HXXQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TOD, Ban TGD.

4.4.2. Năm độ 2018-2019 TOD, Ban TGD đã tích cực thực hiện các Nghị quyết của ĐHCD, HXXQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

5. Những hạn chế của tại và nguyên nhân

- * Tại tại:

Độc lập Tự do Hạnh phúc

- Yăng nghiệp liệu của vẫn còn sản xuất theo tập quán cũ, đầu tư ít; quy mô nhỏ và manh mún; việc trồng và chăm sóc vẫn theo quy trình kỹ thuật chưa được cải tiến; quan tâm đến việc. Việc đầu tư cơ giới vào sản xuất vẫn còn thấp, chưa phổ biến rộng rãi, chưa được phục được người trồng vẫn áp dụng các kỹ thuật canh tác theo qui trình kỹ thuật nông hoặc cơ giới hóa sản xuất nữa. Diện tích trồng mới, diện tích của cho vụ 2019-2020 giảm nhiều, chất lượng của KCSO có xu hướng giảm.

- Thực tế nhà máy đã cũ, việc đầu tư bổ sung chưa đồng bộ. Nên chưa đạt yêu cầu về hệ số an toàn thiết bị, tăng hiệu suất thu hồi, về năng suất chất lượng sản phẩm (08 tấn, độ ẩm của sản phẩm đường chưa đồng đều, chưa đạt chỉ tiêu, chất lượng thường ngày của, độ ẩm tăng).

- Chưa ra được Nghị quyết chuyển đổi về việc xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững. Vùng mía có chất lượng, năng suất, chất đường cao.

*** Nguyên nhân:**

- Việc xây dựng, chương trình kế hoạch công tác đối với công tác này đang, phát triển vùng nguyên liệu của của mang tính định hướng, các dự án còn dần dần, thiếu tập trung trọng điểm. Chưa có kế hoạch, biện pháp và lý luận quyết, kịp thời, các điều kiện đầu yếu của các mô hình, dự án về trồng mía.

- Việc chuyển từ các nguồn lực để đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu của ổn định theo quy hoạch, đáp ứng chi công suất 1.800 tấn của ngày với diện tích 3.200 ha của nhiều hạn chế. Việc xây dựng các giải pháp về thay đổi giống của mới có năng suất, chất lượng cao như: Giống KK3, KOC 25, QO 42, Q144, Q095-135... thay thế cho các giống của cũ đã bị thoái hóa, còn thực hiện sai chuẩn. Thiếu một nguồn nhân lực hàng trực tiếp đến việc giữ và ổn định vùng, diện tích của nguyên liệu là hiện nay giữ của thay không vào tập đầu người nông dân trồng mía.

- Chưa ra được Nghị quyết chuyển đổi về việc nâng cao chất lượng đường thành phẩm. Hệ thống khoa học kỹ thuật của Công ty ít hoạt động. Chưa tổ chức được các cuộc họp, hội thảo để đưa ra phương hướng, giải pháp xử lý kịp thời các nguyên nhân trong quá trình sản xuất, bảo quản... gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIÊN VỤ 2019-2020.

A. Nhiệm vụ định tính hình chung.

Theo nhiệm vụ của tổ chức của đường quốc tế (ISO) nhà máy đến giai đoạn của vượt công suất thì giá đường sẽ tăng như trong vụ tới.

Tính hình chung hoặc lên đường từ Thái lan vẫn chưa thực hiện được tiếp đi.

Vì vậy để của tại và phát triển trong thời gian tới chúng ta phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

B. Mục tiêu kế hoạch sản xuất hình thành năm vụ 2019 - 2020

1. Diện tích của nguyên liệu đạt 2.425 ha và 6%

Trong đó diện tích trồng mới 1.100 ha

2. Năng suất bình quân đạt : 61 tấn/ha và 6%

3. Sản lượng của đạt : 162.000 tấn/ha và 6%

4. Tỷ lệ của đường : 8,5 của/04 đường

5. Hiệu suất tổng thu hồi : 84,45%

6. Công suất chỉ tiêu thực tế bình quân: 1.650 tấn/ngày.
7. Sản lượng đường nhập kho: 2.17.852,6 tấn
8. Sản lượng đường tiêu thụ: 21.287 tấn
9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: 6.480 tấn
10. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ đạt: 6.000 tấn
11. Tổng doanh thu đạt: 234.541 triệu đồng
12. Lợi nhuận trước thuế đạt: 1.653 triệu đồng
13. Tỷ lệ ngân sách Nhà nước: 8 (%)
14. Chế độ đạt %/năm

C. Một số giải pháp thực hiện trong năm vụ 2015-2016

1. Bổ sung hoàn thiện các Quy chế sau:

- 1.1. Quy chế quản trị doanh nghiệp.
- 1.2. Quy chế Quản lý lao động và qui chế tiền lương, tiền thưởng.
- 1.3. Sửa đổi Bộ quy chế nội qui Bộ thống quản lý chất lượng của phân theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2005.

2. Về tổ chức quản trị

- 2.1. Tiếp tục xem xét bộ máy tổ chức Tổng giám đốc dẫn của đơn vị, cương vị theo hướng tinh giảm lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.
- 2.2. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.
- 2.3. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và tập huấn tin nhiệm của các bộ phận, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động cũng khai minh bạch.

2.4. Tổ chức thi đua và tiêu thụ hàng hóa, trợ cấp cho vùng nguyên liệu mía.

3. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:

- 3.1. Tập trung nguồn lực đầu tư vào khâu giống, cơ giới hóa, kỹ thuật canh tác; triển khai những giống mía mới, mở hình thức canh tác nông kết hợp.
- 3.2. Kê khai diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đôn đốc xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.
- 3.3. Đẩy nhanh các giải pháp về thay đổi giống mía mới, đánh giá kết quả khảo nghiệm các giống mía: Giống KKC3, BOC 27, QD 42, QD48, QP93-159...
- 3.4. Tổ chức tập nông tác đến chất vận chuyển, đảm bảo mía chất lượng được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- 3.5. Triển khai đề án Huy động các xuất và xuất khẩu mía sang Trung Quốc. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xuất khẩu mía tự sang Trung Quốc và nhập khẩu mía giống mới từ trung quốc theo đề án.

4. Về Đầu tư thiết bị máy truyền tải Chế biến:

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản thu phổ biến để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lưu chọn tỷ lệ sản xuất tổng loại sản phẩm đường Trắng, đường Vàng phù hợp, để tối thiểu chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

5. Về tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối đa dạng thông qua kỹ kết Hợp đồng, với các khách hàng truyền thống. Tăng cường thị phần bán tại thị trường các tỉnh lân cận như: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang.

- Hợp tác đầu tư tiêu thụ xuất khẩu mía và hóa thành phẩm cho các đối tác Trung quốc

6. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:

6.1. Mệt vì tiêu thụ cho các khách hàng truyền thống.

6.2. Bả bán cho là thu gom, tiêu thụ sản xuất bán cho các nông hộ trồng mía.

6.3. Bả mua bán cho khách hàng truyền thống để đầu tư thiết bị sàng và sàng ML.

Phụ nhận

- HĐQT, HKS
- Cơ sở Đing
- Lưu HĐQT, VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức danh



Nguyễn Văn Lạc

Số: 222/BC-BKS

Phục Hòa, ngày 21 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NDTC 2018- 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (DHECD) thường niên năm độ 2018-2019 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 09/11/2018;

Ban kiểm soát báo cáo trước DHECD, về công tác hoạt động niên độ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ 2019-2020 như sau :

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

I. Hoạt động của BKS

- Kết thúc năm tài chính (từ 01/07/2018 đến 30/06/2019) BKS đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp khác của công ty.

- Kiểm tra giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết DHECD thường niên 2018-2019 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty (BTGD).

- Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết trong các cuộc họp của HĐQT.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2018-2019 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, phù hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu dẫn báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị đề cơ qua kiểm toán độc lập đưa ra.

- Trong niên độ 2018-2019, Ban kiểm soát họp 3 lần

- Lần 1: Kiểm điểm công tác kiểm soát niên độ 2017-2018 và kế hoạch hoạt động niên độ 2018-2019

- Lần 2 : Đánh giá công tác quý I niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý II niên độ 2018-2019

- Lần 3 : Đánh giá công tác quý II niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý III niên độ 2018-2019

- Lần 4 : Đánh giá công tác quý III niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý IV niên độ 2018-2019

- Lần 5: Đánh giá công tác quý IV niên vụ 2018-2019, thẩm định báo cáo tài chính niên độ 2018-2019, thông qua báo cáo kiểm soát Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2018-2019

- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1. Thủ lao BKS

- Trong quá trình hoạt động BKS được chỉ trả thù lao theo đúng quy định và nghị quyết của HĐQT thường niên niên độ 2018-2019.

+Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/tháng/người

+Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.550.000 đồng

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGB

1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

- Trong niên độ 2018-2019 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT đã ban hành nghị quyết, và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành của HĐQT và bộ phận quản lý công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ BKS nhận thấy Ban Tổng giám đốc

và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo qui định, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đề ra, trong quá trình điều hành và chỉ đạo hoạt động SXKD của công ty. BKS không phát hiện có dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, công việc không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào có liên quan đến các thành viên của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty.

- Kết quả đạt được trong NDTC 2018-2019 như sau:

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NDTC 2018 - 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018-2019	Thực hiện 2018-2019	Tỷ lệ % hoàn thành KH
1	Sản lượng sản phẩm dẻ	Tấn	180.000	193.086	107,3
	+ Mũi tự		180.000	196.044	
	+ Mũi giông			370	
	+ Mũi vải d. TQ		20.000	2.672	
2	Sản lượng đường	Tấn	17.392	18.945	108,9
3	Sản lượng xuất n. nhập khẩu	Tấn	6.250	6.375	101,9
4	Sản lượng phân bón cơ	Tấn	4.000	1.260	31
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	260.964	162.188	61,87
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	4.600	(28.686)	
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.600	(28.786)	

Kết quả doanh thu thực hiện giảm 39% so với kế hoạch; Lợi nhuận thực hiện không đạt, nguyên nhân : Do thị trường đường không bằng, giá cả giảm mạnh, lượng đường tồn kho cao.

2.2 Về công tác đầu tư, XD/CB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong năm độ 2018-2019 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị và xây dựng vốn tổng số tiền đầu tư : 4.785.865.576 đồng (Đến 9/12/2019 còn dư số tiền không phân bổ vào mục, năm ngoái năm trước bảy mươi sáu đồng.) cụ thể :

STT	Ngày tháng	Tên tài sản	BVT	Số lượng	Thành tiền (Đồng)
	I	Máy móc thiết bị			
1	20/07/2018	Mua máy in phun HP F 680	bộ	1	88.508.080
2	31/12/2018	Mua mới bộ thiết bị quét nhiệt cấp 1	Bộ	1	1.155.817.204
3	27/01/2019	Lập mới tư bản tài cho động cơ máy ép	cái	83	1.102.215.080
4	27/01/2019	TP lập đặt hệ thống dây đường thành phẩm			921.641.680
5	31/01/2019	Mua mới máy bơm ly tâm	cái	01	240.265.952
	II	Xây dựng cơ bản			
1		Kho thành phẩm đường số 1			1.182.225.810
		Tổng cộng			4.785.865.576

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất đường, Ban TGD và các bộ phận quản lý đã tích cực đôn đốc giám sát, cơ bản đạt yêu cầu tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế của khâu phục, còn có những sự cố xảy ra trong quá trình sản xuất và chất lượng đường chưa đảm bảo theo yêu cầu (Đường ẩm với xuất)

2.3 Về công tác nguyên liệu

Thực hiện vụ 2018-2019 so với vụ 2017-2018 về diện tích mía tăng 04,2% năng suất tăng 1,5 %, nhưng chất lượng mía lại giảm (2017-2018 CCS BQ : 10; 2018-2019 CCS BQ : 10,55)phần lớn sự trong năm đạt : 99,73%

Công tác đôn đốc vận chuyển xuất theo yêu cầu kế hoạch mía về nhà máy vẫn còn nhiều mía cũ ảnh hưởng đến công tác chế biến.

Mô hình của loại bộ 80 tấn/ha không có tiến triển

Về nguyên liệu của công ty còn tồn tại nên việc quản lý khâu phục tạp, việc đưa giống mới có năng suất chất lượng vào thay thế còn nhiều hạn chế, vấn đề đưa cơ khí hóa, đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong trồng mía cực kỳ khó khăn.

2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường

- Công tác sản xuất chế biến chưa hiệu quả so với kế hoạch như hiệu suất thu hồi giảm, tổng sản phẩm tăng. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chưa ổn định trong sản xuất đường do công nghệ sản xuất đường vẫn chưa tập hơn.

- Sản lượng đường nhập kho tăng so với kế hoạch do sản lượng tiêu tăng.

- Về tiêu hao nhiên liệu, hóa chất lượng tiêu hao giảm hơn so với định mức.

- Việc tiêu thụ đường gặp rất nhiều khó khăn, giá bán đường giảm mạnh, sản lượng đường tồn kho cao nên ảnh hưởng lớn tình hình tài chính của Công ty.

2.5 Công tác nhân sự

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động. Tuy nhiên ở một số vị trí nhân lực chất lượng cao vẫn bị thiếu.

2.6 Công tác khác

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Công tác bảo vệ xã lý môi trường thu gom rác thải trong năm vẫn qua đạt yêu cầu.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính NDTC 2018-2019

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính niên độ 2018-2019 đã được công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam kiểm toán.

2. Tình hình tài chính của công ty NDTC 2018-2019:

	TÀI SẢN	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 30/06/2018	So sánh %
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	108.711.136.279	79.090.817.701	136,8
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.111.094.959	637.916.681	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
III.	Các khoản phải thu	10.760.571.241	79.178.164.219	
IV.	Hàng tồn kho	95.668.961.079	54.179.384.611	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	-	16.942.287	

B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ BỀN TỬ ĐÀI HẠN	31.03/2019	31.03/2018	90,7
I. Các khoản phải thu dài hạn			
II. Tài sản cố định	63.169.322.933	73.893.227.878	
III. Bất động sản đầu tư			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.098.173.833	3.237.327.999	
V. Tài sản dài hạn khác	36.437.365.172	3.641.947.199	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	198.227.797.799	164.997.323.664	
A. NỢ PHẢI TRẢ	136.873.798.883	81.897.326.644	165,1
I. Phải trả ngắn hạn	112.741.798.883	79.365.919.644	
II. Phải trả dài hạn	2.511.999.999	2.431.406.999	
B. NGUỒN VỐN CHỦ NÓNG HỮU	34.025.898.976	82.919.299.620	65,3
I. Phần vốn góp	34.025.898.976	82.919.299.620	
II. Nguồn tích lũy và quỹ khác	0	0	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	198.227.797.799	164.997.323.664	

Một số chỉ tiêu phân tích định giá kinh doanh tài chính của công ty

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/03/2018
I-Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	57,2%	45,6%
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	42,8%	54,4%
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	71,2%	49,7%
- Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	28,7%	50,3%
2. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành (TSS/HSH)	0,81	0,94
- Khả năng thanh toán tổng-quả (TTS/NPH)	1,39	1,87
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	+13,73%	+13,41%

Với các chỉ số ở trên ta thấy tình hình tài chính của công ty là cực kỳ khỏe mạnh SXKD đang ổn.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ chậm, giảm độ tự chủ về tài chính.

- Báo cáo tài chính năm thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu tài chính trọng điểm trong đó : tích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho 14.657.933.193 đồng.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, HĐQT VÀ CỔ ĐÔNG

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Kể từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động của công ty cũng như tham gia tham gia công HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS cũng trao đổi thông tin và tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong năm độ 2018-2019 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, cá nhân lý số hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với vòng nguyên liệu

Quy hoạch vòng nguyên liệu trọng điểm, có chính sách đầu tư phù hợp, chú trọng cơ giới hóa và trồng rừng quy trình kỹ thuật, thâm canh các giống mới, đổi sang nông xuất chất lượng cao, tăng thu nhập cho các hộ trồng mía.

2. Đối với dây chuyền sản xuất

- Đối với công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngoài vụ ép cần đảm bảo kịp tiến độ. Cung ứng vật tư thiết bị kịp thời, đạt yêu cầu, việc nghiệm thu chấp thu thiết bị phải chặt chẽ hơn.

- Đối với dây chuyền sản xuất sửa sản đầu tư một số thiết bị máy móc đảm bảo yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả thu hồi đường, giảm thời gian về sự cố thiết bị và ổn định công suất chế biến từ 1.450-1.800T/MN

- Tổ chức thực hiện tốt công tác cung ứng các loại vật tư, hóa chất phục vụ cho vụ ép 2019-2020

3. Đối với HĐQT, Ban TGD

- Nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Cần đổi đồng tiền, quản lý và cơ cấu vốn có hiệu quả;

- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm;

- Chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý tài chính.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, bố trí đúng người đúng việc để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2019-2020

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty, BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong vụ 2019-2020 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ 2019-2020.
- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.
- Kiểm tra tình hình thu và tình hình quản lý tài chính của công ty.
- Thẩm định BCTC năm của công ty.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng. Kính trình ĐHQĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận

- HĐQT;
- Công đồng;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Hương Thị Quyết

Số: 422/BC - MD

Phục Hòa, ngày 21 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2018 - 2019
KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2019 - 2020

Phần I
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình sản xuất mía đường thế giới.

- Năm vụ 2018-2019 sản lượng đường thế giới sản xuất đạt 185,2 triệu tấn, đường tiêu thụ đạt 177,5 triệu tấn, dư thừa khoảng 7,7 triệu tấn.
- Giá đường thế giới giảm mạnh do nguồn cung toàn cầu dư thừa. Giá bán giảm mạnh, duy trì ở mức dao động từ 320/500 tấn đến 330/500 tấn.

2. Tình hình sản xuất mía đường trong nước.

- Thị trường đường trong nước giảm mạnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh giữa các đường sản kho cao, nhiều nhà máy đường thua lỗ.
- Diện tích mía đạt 238.867 ha, giảm 3.140 ha so với vụ trước(vụ 2017-2018: 241.407 ha).
- Sản lượng mía ép củ nước 12 triệu tấn, đạt 77,7% so với vụ 2017-2018, sản lượng đường sản xuất 1,2 triệu tấn, đạt 81,63% so với vụ 2017-2018 . Tỷ lệ mía đường bình quân củ nước là 10 tấn/ha/ha.
- Năng suất mía bình quân củ nước 60,41 tấn/ha, giảm 3,69 tấn/ha so với vụ 2017-2018 (vụ 2017-2018 là 63,9 tấn/ha).
- Giá bán đường biến động giảm, đầu vụ giá bán đường tăng dao động từ 10.300 - 11.800 đồng/kg, đến thời điểm chính vụ giá bán giảm xuống 10.000/kg thấp hơn giá thành (thấp nhất 3 năm trở lại đây). Dẫn này giá bán được cải thiện nhưng không đáng kể.

3. Tình hình sản xuất Công ty CP mía đường Cao Hùng.

3.1. Vùng nguyên liệu mía

- Được UBND tỉnh phê duyệt để im hợp tác đầu tư sản xuất và xuất khẩu mía nguyên liệu sang Trung Quốc vụ 2018-2019 là 20.000 tấn. Nhưng kết quả đạt thực 2.021,91 tấn do quá trình thống quan báo Trung Quốc gặp khó khăn.
- Do thời tiết mưa nhiều, mía trĩu có sớm từ đầu vụ.
- Công tác thu mua đầu chất vận chuyển còn nhiều bất cập, mía về nhà máy bị đầu dè đầu đen nhiều.
- Vụ sản xuất vào vụ mưa, xuất khẩu đạt thấp, vụ ép kéo dài sang tháng 5/2019, diện tích trồng mới đạt thấp.
- Thổ nghiệm giống mía KK3 trong vùng nguyên liệu kết quả cho thấy mía sinh trưởng phát triển bình thường, thân to, thích nghi tốt, ít sâu bệnh mía có tiềm năng chế biến cao, cho năng suất cao.

3.2. Diện tích sản xuất chế biến đường.

đi có chất lượng cao, đảm bảo an toàn cho khách hàng, tăng cường các dịch vụ và bảo hiểm, thời gian và chất lượng của giải.

2. Công tác sản xuất chế biến đường:

2.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Bảng 04

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện vụ 17/18	Vụ 2018 - 2019		Tỷ lệ %	
				KH	TH	KH	TH
			1	2	3	4	5
1	Trọng lượng sản xuất sản	tấn	192.794,08		192.688,3		99,94
2	Tỷ lệ tạp chất	%	1,82		1,82		100,00
	Trọng lượng tạp chất	tấn	3.507		3.511		100,10
3	Trọng lượng sản xuất	tấn	192.170,29	193.000	192.064,01	118,21	100,1
	Tỷ suất sản xuất đường	tấn	197,27	198,000	199,664,1	121,38	119,2
4	Chỉ đường (KQ) (C/C)	%	10,73	11,3	10,33	96,31	97,34
5	Công suất dự trữ (KQ)	trọng	1.201	1.200	1.200	100,00	99,91
6	Công suất dự trữ theo kế (KQ)	trọng	1.000,26	1.000	1.700,39	169,39	169,3
7	Trọng lượng đường nhập kho	tấn	94.294,08	97.292	10.245,63	110,36	109,9
-	đường trắng	tấn	11.103,68	8.000	8.603,33	85,66	100,04
-	đường vàng	tấn	3.251,28	8.792	10.242,30	316,11	117,63
8	Hiệu suất	tấn					
-	Trọng lượng xuất ri	tấn	6.188,86	6.200	6.273	101,32	100,91
-	AP xuất ri	%	31,78	30	32,93	104	100,83
9	Hiệu suất dự						
-	Hiệu suất dự	%	95,7	96,0	95,31	100	99,72
-	Hiệu suất theo kế CL	%	88,22	88,11	88,38	99,93	99,72
-	Hiệu suất theo kế kế	%	84,65	84,60	88,77	104,81	105,47
-	Hiệu suất so trước SX	%	89		91	102,25	
-	Tỷ lệ sản / đường	m/đ	9,54	9,1	10,73	113,2	118,1
10	Yếu chất						
-	Yếu chất theo kế	%	4,27	4,61	4,27	100,00	100
-	Yếu chất theo sản	%	1,78	1,60	2,43	136,02	102
-	Yếu chất theo kế v	%	8,89	8,30	9,84	110,33	108,3
-	Yếu chất đường sản xuất	%	0,81	1,27	1,47	180,4	229,2
11	Sản xuất chất	%	18,89	19,40	19,20	122,34	120,74
	Trọng lượng đường sản xuất	tấn	3.613,81	3.600	4.300,78	119,4	149,4

- Sản lượng đường nhập kho 10.245,63 tấn, đạt 100,99% so với kế hoạch (KH) 10.200 tấn, đạt 115,60% so với vụ 2017-2018 (vụ 2017-2018) 8.854,8 tấn

- Hiệu suất tổng theo kế 80,77%, đạt 85,47% so với kế hoạch (KH) 84,65%, đạt 85,64% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 84,45%).

- Tỷ lệ sản phẩm là 10,13 chưa đạt so với kế hoạch, tăng 10,1%

- Tổng sản phẩm 19,2%, vượt 3,8% so với kế hoạch (KH) 15,4%

- Sản lượng xuất ri sản xuất 6.273 tấn, đạt 103% kế hoạch (KH) 6.200 tấn, đạt 103,2% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 6.188,86 tấn).

- AP xuất ri bình quân là 32,93 vượt 8,9% so với kế hoạch (KH) = 30), vượt 3,79% so vụ trước (vụ 2017-2018 là 31,76).

2.2. Thời gian sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất: 2018 - 2019: Bắt đầu từ ngày 17/12/2018, kết thúc ngày 5/5/2019.
- Số ngày sản xuất: 148 ngày, tổng 32,03 ngày so với kế hoạch (KH 187,87 ngày).
- Số ngày dự mùa: 125 ngày, tổng 23,83 ngày so với kế hoạch (KH 181,89 ngày) tăng 20,64 ngày so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 194,26 ngày).
- Số giờ ngừng dự là: 153 giờ 81 phút tương đương 14,74 ngày. Trong đó: thời gian ngừng do thời tiết là 91,83 giờ; thời gian ngừng nghỉ định kỳ, vệ sinh, SCHED là 224,78 giờ; thời gian nghỉ chờ mùa là 18,73 giờ và ngừng do nguyên nhân khác là 5,38 giờ; thời gian nghỉ hết là 284 giờ.

3. Giá thành sản xuất sản phẩm đường (tính trên vụ 2018 - 2019)

Đơn vị:

TT	MÃ SẢN PHẨM: CHỈ SỐ	ĐVT	TH VỤ		TỶ %		
			17-18	18-19	18-19	18-19	
		1	2	3	4	5	6
1	Chi phí nguyên nhân vật liệu	00002	174.905.918	154.542.948	176.308.218	88,89	114,21
2	Chi phí nhân công trực tiếp	00002	12.582.175	18.948.288	13.648.025	88,67	112,11
3	Chi phí sản xuất chung	00002	25.798.140	27.318.513	26.813.398	89,65	113,84
	Tổng chi phí tính giá thành toàn bộ	00002	213.286.233	192.809.749	216.769.641	95,52	114,66
4	Chi phí hoạt động tài chính	00004	3.109.137	3.008.008	3.182.875	100,24	104,78
5	Chi phí bán hàng	00004	1.873.075	1.414.156	1.127.664	81,44	94,42
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	00004	3.648.418	6.798.313	5.213.427	76,83	90,71
	Tổng chi phí tính giá thành toàn bộ	00002	224.564.361	204.112.337	238.398.811	105,8	116,88
7	Tổng sản phẩm đường thành phẩm	đg	18.184,40	17,182	18.985,65	115,34	108,83
8	Giá thành SX 81 đ/g đường	đg	12.902	11.986	11.644	89,86	90,68
9	Giá thành toàn bộ 81 đ/g đường	đg	13.714	11.738	11.905	86,82	93,78

- Giá thành sản xuất: Giá thành sản xuất Công đường là 11.618 đ/kg tăng so với kế hoạch là 562 đ/kg, giảm so với vụ trước 1.344 đ/kg.
- Giá thành toàn bộ: 12.189 đ/kg tăng so với kế hoạch 444 đ/kg, giảm so với năm trước 1.514 đ/kg.
- Nguyên nhân tăng so với kế hoạch là do chất lượng mía (cây) không đạt theo kế hoạch để vụ (18,53/1) và hiệu suất ép mía hồi không đạt theo kế hoạch (28,77/84,8).
- Nguyên nhân giảm so với năm trước là do giảm giá mua từ 1000 đ/kg năm trước xuống 808 đ/kg năm nay

4. Công tác tiêu thụ sản phẩm

4.1. Công tác tiêu thụ đường

- Sản lượng đường tiêu thụ là 14.531,95 tấn đạt 78,08% so với kế hoạch (KH 18.180 tấn), đạt 86,34% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 16.850)
- Chỉ tiêu theo hình thức bán như sau:
 - Sản lượng đường bán qua CHTT: 378,86 tấn, tăng 23,16% so với vụ trước (vụ 2017-2018: 470 tấn)
 - Bán đường bán qua các nhà phân phối (cột chèo, ngoại tỉnh) là 434,77 tấn, giảm 43,98% so với vụ trước (2017-2018: 778 tấn)
 - Sản lượng đường bán lẻ: 378,10 tấn, giảm 45,57% so với vụ trước (vụ 2017-2018: 1.430 tấn).
 - Sản lượng đường bán buôn: 12.740 tấn, giảm 9,89% so với vụ trước (vụ 2017-2018: 14.154 tấn)

4.1. Công tác sửa chữa tài sản – cơ sở

- Sửa chữa tài sản, cơ sở (tổng chi 1.263,44 triệu, đạt 31,35% so với kế hoạch (KH 4.030 triệu). Thực hiện tổng một dự toán nâng dần đáng kể báo cáo là 1.

4.3. Công tác nhập xuất đường và đồng đường tài

- Công tác bốc xếp đường tại kho thành phẩm và vận chuyển kho được thực hiện theo đúng quy định.

- Công tác nhập xuất, giao nhận hàng hoá kịp thời, chính xác, đúng theo quy định, theo yêu cầu của khách hàng (tổ chức bốc hàng ngoài giờ và ngày chủ nhật)

- Công tác đồng đường tài đồng chi số lượng, yêu cầu kỹ thuật được đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

5. Công tác Tài chính**5.1. Công tác hạch toán vốn, sử dụng vốn cho hoạt động SXKD****5.1.1. Hạch toán vốn lưu động**

- Vay ngân hàng Phúc Hoà : 203.339 tỷ đồng
- Vay từ cơ quan : 68,00 tỷ đồng
- Vay từ cá nhân : 11,00 tỷ đồng
- Vốn Tài doanh thu bán hàng : 123.339 tỷ đồng

5.1.2. Sử dụng vốn lưu động

- Trả tiền mua nhà ở + mua giống : 138.245 tỷ đồng
- Thanh toán cước Vư ME + SĐ : 5.896 tỷ

đồng

- Mua vật tư, TB, nguyên vật liệu SX : 20.713 tỷ đồng
- Mua phân bón thuốc trừ cỏ dầu từ VMLM : 0,287 tỷ đồng
- Trả tiền lương, tạm ứng lương cho người lao động : 15.017 tỷ đồng
- Hết BHXH, BHYT, KPCĐ cho người lao động : 3.819 tỷ đồng
- Hết ngân sách Nhà nước : 4.502 tỷ đồng
- Trả lãi tiền vay ngân hàng : 3.494 tỷ đồng
- Các khoản chi phí thường xuyên : 6.952 tỷ đồng

5.2. Công tác đầu tư XDCH, mua sắm thiết bị

- Máy dựng Kho thành phẩm đường số 3 : 1.182 tỷ đồng
- Máy móc, thiết bị mua mới
- + Mua máy in phun SGP 690 : 0,083 tỷ đồng
- + Tủ lạnh âm cho đông cơ máy ép 3 tác : 1,302 tỷ đồng
- + Hệ thống thiết bị máy sấy đường thành phẩm : 8,823 tỷ đồng
- + Bộ quả nhớt cấp 1 số hai : 1,158 tỷ đồng
- + Máy ly tâm 1 cái : 0,340 tỷ đồng

Tổng vốn đầu tư XDCH và mua sắm thiết bị là: 4,793 tỷ đồng

5.3. Thanh toán tiền mua, thu hồi nợ vốn đầu tư đang trước.**5.3.1. Thanh toán tiền mua: bao gồm cả mua ép và mua giống đến ngày 30/6/2019**

Loại mua	Số tiền mua mà phải thanh toán (tỷ đồng)	Số tiền mua mà đã được thanh toán (tỷ đồng)				Số tiền mua chưa thanh toán tại ngày 30/6/2019
		Tổng số	Trong đó			
			Thanh toán bằng tiền mặt	Thanh toán qua NHT	Còn nợ vốn đầu tư ứng trước	
1. Mua ép	66.157,61	148.884,70	387.540	137.112,79	10.944,98	19.072,96
2. Mua giống	478,81	-	-	-	-	478,81

6.000.000.000

Công	163.626,71	148.084,71	387.340	127.152,19	18.566,98	35.991,68
% tổng vốn đầu tư		90,50	8,24	81,82	4,44	8,59

Tính đến ngày 30/6/2019 thanh toán tiền mua đạt 90,5%

4.2. Thu hồi công nợ vốn đầu tư tăng quyền tính đến ngày 30/06/2019

- Số tiền nợ đầu tư phải thu là: 10.715,28 triệu đồng
- Số tiền đã thu là: 10.608,91 triệu đồng
- Số tiền vốn nợ là: 185,16 triệu đồng
- Tỷ lệ thu hồi nợ vốn đầu tư tại ngày 30/06/2019 đạt 99,02%.

4.3. Vấn Đề tư vấn người Đưa vụ ĐKK 2018-2019 tính đến ngày 30/6/2019

- Tiền công, phẩm cấp, thuế trả về là: 3.358,5 triệu đồng
- Tiền mua máy cày nhỏ là: 646,1 triệu đồng
- Tổng số tiền đầu tư là: 4.204,6 triệu đồng.

5.5. Tiền lương, BHXH của người lao động (t) 1/7/2018 đến 30/6/2019.

- Tiền lương bao gồm: lương khoán trong vụ, người tự sản xuất, lương khoán vốn chính bảo dưỡng, lương phòng nguyên liệu mùa là: 16.600,3 triệu đồng
- Lương bình quân người/tháng là: 5,3 triệu đồng
- Số người LĐ tham gia nộp BHXH bắt buộc là: 319 người
- Số tiền BHXH cơ sở là: 5.456 triệu đồng
- Số tiền BHXH tự tại ngày 30/6/2019: 598 triệu đồng

5.6. Nộp ngân sách.

Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước là: 6.427 triệu đồng đạt 88,3% KH (8.808,8 tr.đ) bao gồm nộp thuế VAT, thuế TNDN, thuế nhập khẩu, thuế môn bài, tiền thuế đất.

6. Công tác khác

6.1. Lao động và việc làm

- Tổng Số lao động trong thời gian sản xuất: 347 người.
- Số lao động ở lại mùa vụ dự là 128 người.
- Số lao động không bố trí được việc làm là 187 người. Đối với người lao động tham gia BHXH bắt buộc Công ty nộp 100% tiền nộp BHXH, BHYT, kinh phí Công đoàn và hỗ trợ tiền với mức 200.000 đ/người/tháng. Đối với người lao động tham gia Bảo hiểm tự nguyện Công ty chỉ trả 1% mức lương và hỗ trợ tiền mức 600.000 đ/người/tháng.

6.3. Công tác an ninh trật tự - Công tác PCCC.

- Công tác an ninh trật tự trong Công ty ổn định; phối hợp với cơ quan chức năng địa phương thực hiện tương đối tốt.
- Công tác Điều hành và hướng dẫn xe ra, vào công cơ bản thực hiện tốt.
- Công tác an toàn lao động được an toàn không xảy ra tai nạn lao động.

6.4. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì, việc quản chế, truy vết nguyên nhân sai quản chế, vận hành đúng quy trình.

Phần III TỔN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đối với công tác phát triển vùng nguyên liệu

3. Công tác bảo vệ sản phẩm đường

3.1. Tấn tạt

- Sản lượng tiêu thụ đường không đạt theo kế hoạch đề ra.
- Sản lượng tiêu thụ bán lẻ bán ở toàn địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận chưa đạt kế hoạch.
- Sản phẩm đường vì chất lượng chưa cao và độ ẩm cao.

3.2. Nguyên nhân:

- Khả năng tiêu thụ của diện tích Công ty bán buôn sản phẩm đường sẽ tại kho bán lẻ như không đạt yêu cầu do kho chứa chất lượng, đường xếp kín thành bãi không thoáng mát, nên khó tiêu...
- Do thị trường đường biến động mạnh, mức giảm sâu ảnh hưởng đến giá bán của Công ty ở mức thấp, giá bán bình quân của Công ty bán dưới giá thành.

Phần VI MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP MIỄN VỤ 2018 - 2020 I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT MIỄN VỤ 2018 - 2020

Bảng 02

STT	Một số chỉ tiêu chính yếu	ĐVT	TH vụ 2018 - 2019	KH vụ 2019 - 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng diện tích sản xuất vụ Đông xuân	ha	2.710	2.623	96,8
2	Diện tích trồng mới vụ Đông xuân	ha	620	1.180	176
3	Sản lượng mía sạch	tấn	192.716,04	192.000	99,66
	Mía sản xuất đường	tấn	190.694,19	192.000	99,87
	Mía xuất khẩu (T)	tấn	2.021,85	0	
4	Năng suất (t/ha)	tấn/ha	71	71	99,91
5	Chiều đường mía (t/ha)	ton	18,33	17	92,77
6	Số ngày sản xuất	ngày	140	138	98,57
7	Số ngày từ sản xuất đến	ngày	115,36	98,08	84,99
8	Công suất sản xuất/ ngày từ sản xuất	tấn/ngày	1.706,29	1.650,8	96,76
9	Hiệu suất trồng mía bán xuất khẩu chính	%	99,77	94,05	94,32
10	Tỷ lệ mùa màng	m/đ	10,03	9,5	94,78
11	AP mùa r	%	32,85	30	91,61
12	Tổng tiêu thụ	%	79,23	76	95,92
13	Sản lượng đường sản xuất	tấn	4.844,72	9.214,72	190,19
14	Sản lượng đường nhập trong kỳ	tấn	18.945,60	17.833,6	93,92
15	Tổng SL đường tiêu thụ	tấn	23.790,32	26.207,3	110,4
16	Tổng SL đường tiêu thụ	tấn	14.931,96	21.207,3	142,1
17	SL đường tiêu xuất khẩu	tấn	9.214,72	5.000,0	54,3
18	SL xuất ở sản xuất	tấn	8.273,53	6.400	77,3
19	SL xuất ở tiêu thụ	tấn	8.273,53	6.400	77,3
20	SL bán hàng không đồng loạt tiêu thụ	tấn	1.261,04	6.000	475,6
21	Tổng doanh thu	1000đ	162.198.714	254.911.022	156,91
21.1	Doanh thu đường	1000đ	144.698.780	221.607.562	153,14
21.2	Doanh thu xuất khẩu	1000đ	14.940.482	12.615.760	84,47
21.3	Đồ phẩm VI xuất	1000đ	71.331		
21.4	Đồ bán hàng không đồng loạt	1000đ	274.609	900.000	327,66
21.5	Doanh thu bán sản phẩm công (T)	1000đ	2.794.601		

22	Lợi nhuận trước thuế	1000M	-28.580.581	1.215.419
23	Cổ tức	%	0	
24	Thu nhập BQ	1000M	1.191	1.300
25	Tổng số lao động BQ	người	206	214
26	Nợ ngắn hạn	1000M	8.877.170	8.000.000

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2019 - 2020

1. Công tác vùng nguyên liệu

- Về đầu tư mua sắm thiết bị thu mua sữa đảm bảo kinh doanh và phù hợp với mặt bằng chung của Việt Nam khi vào vụ. Trong thời gian đang sản xuất sữa vẫn thị trường giá đường biến động phải điều chỉnh giá thu mua sữa.

- Tập tạc đầu tư đầu tư phân bón tổng hợp NPK, thuốc trừ cỏ kịp thời cho nông dân.

- Lựa chọn thời gian vào vụ thích hợp khi sữa bắt đầu chín. Thu mua sữa kịp thời đến với các hộ nông dân để kịp hợp đồng với Công ty.

- Lập kế hoạch, giám sát việc vận chuyển, vận chuyển sữa chất lượng, vận chuyển sữa đáp ứng đủ cho công suất nhà máy.

- Tuyên truyền, vận động các nông hộ sản nhập số sữa công suất sữa ít nhất từ 8-10 hộ trở lên để rút ngắn thời gian chờ đợi xử sữa, hạn chế lượng sữa sữa trên ruộng làm ngày.

- Phối kết công tác Điều hành cơ vận chuyển sữa phù hợp với địa bàn và cấp truyền sản xuất để hạn chế sữa chua, sữa chua do đầu tư vào nhà máy, sữa tồn tồn bãi.

- Tập tạc Hợp tác với Doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư sản xuất và xuất khẩu sữa sang Trung Quốc theo đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đầu tư dây chuyền sản xuất

- Thực hiện số công tác sữa chứa bảo dưỡng thiết bị ngoài vụ dự định kịp tiến độ hoàn thành trước 30/10/2019 theo kế hoạch; Kiểm tra, nghiệm thu chạy thử thiết bị chất lượng nhằm giảm thiểu sự cố thiết bị trong sản xuất.

- Đầu tư mua sắm thiết bị rửa, sạch bằng tải Cầu dây, cải tạo hệ thống thiết bị sàng lọc hạt sữa, cải tạo hệ thống thiết bị cấp liệu máy lọc sữa nước sữa, đầu tư thay máy khuấy đồng hóa.

- Cung ứng vật tư thiết bị dự yêu cầu, kịp thời theo từng giai đoạn SXKD và chi sản xuất.

- Ban hành và quản lý các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao vật tư ở các công đoạn phù hợp với điều kiện dây chuyền thiết bị phân đầu tổng đầu cuối, như hơn 10%.

- Xếp xếp lại lao động cho phù hợp hiện tại.

3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Tập tạc nghiên cứu chính sách khuyến khích tiêu thụ và tăng thị phần tiêu thụ tại các tỉnh lân cận như Lạng Sơn, Bắc Cạn, Bắc Giang, Thái Nguyên,...

- Có chính sách ưu đãi về giá cho khách hàng lấy số lượng nhiều và khách hàng truyền thống.

- Tổ chức thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm đường và thái độ phục vụ nhân viên Công ty.

- Nâng cao chất lượng đóng gói, chất lượng bao quản sản phẩm.

- Điều chỉnh giá bán từ bán - trả lãi. Thực hiện thu gom, tập kết, xuất bán từ bán - trả lãi cho nông dân kịp thời.

4. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Tiếp tục cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ phát triển công nghệ nguyên liệu, tổ chức bộ máy, thị trường tiêu thụ và công tác tài chính.
- Định hình cơ cấu lại hoạt động, tính giảm lao động giảm số lượng lao động công ty.
- Cần đổi văn hóa hóa của đổi chỉ số cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu tài liệu ISO, bổ sung các hạng mục còn thiếu trong ISO 9001:2015, các tài liệu phục vụ chuyên môn. Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn vận hành, quy trình làm việc, mô tả công việc và biên pháp phòng ngừa, rủi ro.
- Tăng cường kiểm tra soát gác hóa vệ tế sản. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì hồ công tác an ninh vệ tế.

Nơi nhận:

- HĐQT, ban kiểm soát
- Các đơn vị
- Các cơ quan
- Lưu VT, Mạng WEB



Số: **05/TTĐ-HĐQT**

Cao Bằng, ngày **11 tháng 10 năm 2019**

TỜ TRÌNH

Về: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, BCS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Báo cáo *Luật Doanh nghiệp số 08/2014/QH12* ngày 26/11/2014;
- Báo cáo vào *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng*.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong NDTC 2018-2019; Kế hoạch hoạt động trong NDTC 2019-2020.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát NDTC 2018-2019; Phương hướng hoạt động trong NDTC 2019-2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Công đồng;
- Lưu file.

**TH. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Lạc

Số: 45/C.TY - HESQT

Cao Bằng, ngày 22 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm áp 2018 - 2019 và kế hoạch năm xuất kinh doanh năm áp 2019 - 2020

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm áp tài chính 2018 - 2019.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2018 - 2019	Thực hiện NĐTC 2018 - 2019	KHUTH (%)
1	Sản lượng mía áp				
	- Sản lượng mía áp cho SX đường	Tấn	168.000	190.894	119,18
	- Sản lượng mía áp cho xuất khẩu	Tấn	28.000	2.822	7,22
2	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	17.382	18.945	108,93
3	Sản lượng mặt nạ nhập kho	Tấn	6.250	8.373	133,96
4	Sản lượng phân vi sinh	Tấn	0	25	
	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	4.850	1.261	21,13
5	Tổng doanh thu	Tr. đ	265.964	162.180	60,97
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	4.600	(28.755)	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	3.680	(28.755)	



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2018 - 2019

Kính trình:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm độ 2018 - 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Hội đồng Bảo vào tài chính năm tài chính 2018 - 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập số 038/2019/BCKT-PA.09004 ngày 20/09/2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 chấp thuận thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG:
- Có 02/02
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



HỒNG VĂN LẠC

Trình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Của năm tài chính: Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/06/2019

(Theo yêu cầu trình số 42/2017/QĐ-CTD ngày 21 tháng 02 năm 2017)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sữa đường Cao bằng nhiệm kỳ 2018 - 2020 báo cáo tài sản tình hình tài chính của Công ty của năm tài chính: Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán độc lập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

I/ VỐN ĐẦU TƯ:

Vốn đầu tư tại ngày 30/06/2019: 30.279.258.000 VND

Gồm:

STT	Chi tiết	Vốn góp		Chiếm tỷ lệ %	
		Số cổ phần	Mức giá 1 CP (VNĐ)		
1	Cổ đông là cá nhân	3.371.925	10.000	33.719.250.000	94,83
2	Cổ đông là tổ chức	190.000	10.000	1.900.000.000	5,17
	Cộng	3.561.925		35.619.250.000	100

II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1- Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Mã Trung Lập | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Anh Tuấn | - Ủy viên thường trực HĐQT |
| 4. Ông Nông Văn Thuận | - Ủy viên HĐQT |
| 5. Bà Hà Thị Quyết | - Ủy viên HĐQT |

2- Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Bà Hoàng Thị Quyết | - Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Ông Trương Minh Đức | - TV Ban kiểm soát |
| 3. Ông Đinh Tế Đình | - TV Ban kiểm soát |

3- Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Tổng giám đốc điều hành |
| 2. Ông Mã Trung Lập | - Phó tổng giám đốc |
| 3. Bà Nông Thị Việt | - Phó tổng giám đốc |

III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/06/2019.

1- Kết quả sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: Đồng	
	Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.190.715.499	226.591.420.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	34.916.280	149.851.522
Mình bán đi và dự	11.083.000	11.571.420
Chiếm giữ hàng bán	21.521.880	117.484.081

3. Doanh thu trước (18 - 1-2)	142.145.892,221	216.151.764,671
4. Chi vãng hành bán	181.882,879,607	207.868,898,221
5. Lợi nhuận gộp (20 = 30-11)	(39.937.245,386)	(20.998.118,550)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	78.528,000	41.887,489
7. Chi phí hoạt động tài chính	3.793.182,198	3.891.576,817
Trong đó: Chi phí tài trợ	3.683.491,149	3.831.881,287
8. Chi phí bán hàng	1.152.119,849	1.271.875,146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.162.940,170	1.348.418,349
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21)-(22)+(24)+(25))	(28.897.116,711)	(21.713.878,447)
11. Thu nhập khác	4.734.881,418	7.714.889,101
12. Chi phí khác	4.121.688,171	8.726.414.810
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	213.112,848	(878.885,802)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (30 + 10 + 40)	(18.891.893,665)	(20.287.883,949)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	68.518,080	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (40 = 30-31-32)	(28.758.412,244)	(21.287.883,949)
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	(8,51)	(7,43)

3- Tài sản, nguồn vốn

	TÀI SẢN	Đơn vị tính: Đồng	
		Tai ngày 28/09/2019	Tai ngày 26/09/2018
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	198.771.236,279	79.893.817,720
A.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.811.889.808	817.854.489
A.2	Tiền	1.071.598,518	897.858,485
A.3	Các khoản thanh toán ngắn hạn	-	-
A.4	Các khoản phải thu	78.798.170,247	78.878,846,258
1.	Phải thu của khách hàng	8.349.284,741	12.835.148,812
2.	Tại trước cho người bán ngắn hạn	186.362,508	1.868.578,666
3.	Các khoản phải thu khác	1.893.198,791	6.121.958,844
4.	Dự phòng các khoản phải thu khác	(321.881,089)	(384.512,089)
5.	Tài sản khác chờ xử lý	362.249,233	311.231,598
A.5	Ứng thu khác	98.668.943,879	84.119.784,417

Từ trích số thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2019 - 2020

1	Hàng tồn kho	113.326.898,273	66.936.746,948
2	Chi phí giảm giá hàng tồn kho	(14.607.905,199)	(12.768.364,479)
IV	Tài sản ngắn hạn khác	-	16.841,297
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
2	Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	16.841,297
3	Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN	81.496.663,488	89.704.883,343
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II	Tài sản cố định	63.769.122,193	73.893.227,839
1	Tài sản cố định hữu hình	61.008.458,635	69.209.129,891
	- Nguyên giá	243.923.809,838	238.128.364,962
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(178.923,241,203)	(168.920,234,071)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	1.758.663,558	4.684,097,947
	- Nguyên giá	1.843.128,474	4.899.434,434
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(84.464,916)	(400.938,487)
III	Đầu tư dài hạn khác	-	-
IV	Tài sản dài hạn khác	1.698.173,693	3.127.327,696
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.698.173,693	3.127.327,696
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	76.477.465,172	76.686.947,839
1	Chi phí trả trước dài hạn	18.417.943,172	18.662.947,839
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	196.227.797,769	164.807,531,864

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 30/06/2018
A	NGUỒN VỐN	146.872.739,383	81.897.209,494
I	Vốn nguồn gốc	133.543.348,183	79.343.409,494
1	Phần vốn góp của các nhà đầu tư	36,891.175,148	3.273.276,273
2	Người mua trái phiếu ngắn hạn	16.893.227,600	3.016.028,280
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	698,675,435	367.913,441

Đơn vị tính: Bảng giá trị các tài khoản đã khấu trừ của năm tài chính 2018 - 2019

	Hàng bán bị trả lại	13,399,080
		<u>34,818,782</u>
3. Gửi vốn hàng bán		
	Gửi vốn bán thành phần chi bán	173,265,894,997
	Gửi vốn vào hàng lưu chi bán	1,923,864,796
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,891,530,364
		<u>181,081,290,157</u>
4. Doanh thu tài chính		
	Lãi tiền gửi	13,471,818
	Lãi chênh lệch tỷ giá chi thực hiện	65,078,987
		<u>78,550,805</u>
5. Chi phí tài chính		
	Lãi tiền vay	3,685,899,148
	Lãi chênh lệch tỷ giá chi thực hiện	56,782,653
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	866,399
		<u>4,243,548,199</u>
6. Chi phí bán hàng		
	Chi phí nhân viên bán hàng	137,374,244
	Chi phí khấu hao TSCĐ	138,188,564
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	602,831,339
	Chi phí bằng tiền khác	74,933,800
		<u>1,553,328,047</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí nhân viên quản lý	2,899,321,864
	Thuế lợi cố doanh viên phòng	238,609,817
	Khấu hao tài sản cố định	497,758,780
	Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất	358,737,867
	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1,862,403,728
	Chi phí bằng tiền khác	344,939,284
	Thuận chấp dự phòng nợ phải thu khó đòi	952,832,000
		<u>6,356,603,379</u>
8. Thu nhập khác		
	Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	342,680,808
	Doanh thu phân bổ, mua góp... với chi VNL	3,856,383,717
	Chi khác thu nhập khác	37,908,722
		<u>4,237,073,247</u>
9. Chi phí khác		
	Gửi vốn phân bổ, MG, TTC... Xuất cho VNL, v.v	3,944,078,162

Tổng số bằng giá trị các tài chính đã liệt kê trên của đơn vị: 2017 - 2019

Các khoản khác: 181.618.459
4.128.688.571

10. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2018

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: (28.755.142.244)

Trên đây là báo cáo tài chính các chỉ tiêu kinh tế tài chính, nguồn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ-dồng thường niên năm 2018.

Hội đồng
- Ông Hùng ;
- Lưu NT

**TÀI HỖI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Nông Văn Lạp

Số: 423/TT-HĐQT

Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về: Lựa chọn công ty kiểm toán niên độ tài chính 2019 - 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 08/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động của việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019 - 2020 và xuất kết quả báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Lạc

Số: ~~127~~ /TT - HĐQT

Cao Bằng, ngày 11 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về Phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 08/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm độ 2018 - 2019 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APC.

Đại hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019:

Dựa kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2018-2019 của Công ty bị lỗ, nên không có nguồn để thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2019-2020:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2019 - 2020 của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,214 triệu đồng, HĐQT đề xuất và dựnng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019-2020 sẽ bù đắp lỗ lũy kế, vì lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lợi

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Nội dung báo cáo tài chính HĐQT, BKS năm áp dụng 2018 – 2019
và kế hoạch tài chính năm 2019 – 2020**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 80/2015/QĐ-NSTP ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Quy chế phân phối của tương vụ áp dụng 2018 – 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ vào tình hình thực tế chi trả chi phí hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2018 đến hết tháng 06/2019.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả tài trợ theo kế hoạch của HĐQT, BKS từ tháng 07/2018 đến hết tháng 06/2019 như sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III: Gồm 5 thành viên. Trong đó có 1 chủ tịch HĐQT, 1 phó chủ tịch HĐQT, 1 ủy viên thường trực HĐQT, 3 ủy viên HĐQT.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ III: Gồm 3 thành viên. Trong đó có 1 trưởng BKS, 2 ủy viên BKS.

NỘI DUNG:

1- Báo cáo của HĐQT, BKS:

Các thành viên của HĐQT và BKS đều kiểm soát của chức danh quản lý Công ty, vì vậy thù lao được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HĐQT và BKS.

1.1. Căn cứ tính:

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HĐQT, BKS: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ áp dụng 2018-2019 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HĐQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 nhất trí thông qua. Cụ thể:
 - + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HĐQT kỳ số phụ cấp là 1,6/ tháng.

Phó chủ tịch HĐQT (t) số phụ cấp là 1,15/ tháng,
 ủy viên thường trực HĐQT (t) số PC là 1,15/ tháng,
 ủy viên HĐQT (t) số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.

+ Ban kiểm soát:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,3/ tháng,
 ủy viên BKS (t) số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người,

Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: 1.590.000 đồng

1.2. Thủ lao chi trả thực tế của HĐQT, BKS:

Thủ lao chi trả cho HĐQT:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Thủ lao HĐQT	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp HĐQT
1	Nông Văn Lào	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	140.250.000	29.280.000
2	Mâu Trung Lập	Phó CT HĐQT	Phó TGĐ	130.110.000	24.700.000
3	Lê Anh Tuấn	Thành viên	Tr.P. KHKD	98.150.000	22.875.000
4	Mai Thị Quyết	Thành viên	Kế toán trưởng	120.350.000	21.045.000
5	Nông Văn Thuận	Thành viên	NV P. kỹ thuật	75.630.000	21.045.000
Tổng cộng				564.530.000	118.950.000

Thủ lao chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Chức danh quản lý	Thủ lao BKS	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp BKS
1	Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS		108.910.000	0
2	Trương Minh Đức	Thành viên	QB xưởng DL	108.970.000	10.980.000
3	Đào Bá Đình	Thành viên	QB xưởng CI	124.136.000	10.980.000
Tổng cộng				342.016.000	21.960.000

2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

1 - Kế hoạch chi trả thủ lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS trong năm 2019-2020 (từ tháng 7/2019 đến hết tháng 6/2020).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS sẽ kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban chấp hành của Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ áp 2019 - 2020 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT) Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng.
Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,20/ tháng.
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS) Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 0,5/ tháng.
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,4/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ áp 2019 - 2020.

3.3. Các chế độ phúc lợi khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và chấp thuận thông qua./

- Nội dung:
- Có chữ:
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN LẠC



Số: **02/TT-HĐQT**

Cao Bằng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 03/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty niên độ tài chính 2019 - 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Chủ tịch;
- Lưu VT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Năng Văn Lực

Số: 45/TT-HĐQT

Cao Bằng, ngày 24 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 58/2014/QH12 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/08/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Để phục vụ nhu cầu kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để tuyển và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng tính đến hết ngày 31/03/2020 là Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng kể từ ngày 01/04/2020 là Chủ tịch Hội đồng quản trị

HĐQT kính trình HĐQT thông qua và đề Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 01/04/2020, đồng thời ủy quyền cho HĐQT của điều lệ và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của công ty sao cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu file.



Nông Văn Lợi



BIÊN BẢN CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Địa chỉ: Thị trấn Trà Lồng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Cấp Chứng nhận ĐKKD số 480104012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/01/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 07/02/2018.

Thời gian: 7 giờ đầu tiên ngày 21 tháng 10 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty, Thị trấn Trà Lồng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng.

PHẦN I: NỘI DUNG KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

- Người báo cáo: Bà Hoàng Thị Quyết – Chủ tịch Thường ban kiểm soát
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mới tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chính đến ngày 15/10/2019, số tên _____ và phần số quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
 - Cổ đông tham dự Đại hội _____ và đồng và đại diện cổ đông, số tên và đại diện số tên cho _____ và phần số quyền biểu quyết, chiếm _____ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty có phần Mía đường Cao Bằng đã điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phấn.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Nông Văn Lạc

Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội

Ông Ma Trung Lập

Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Thị Quyết

Trưởng Ban kiểm soát

2. Thư ký:

Ông/ Bà _____

Trưởng ban Thư ký

Ông/ Bà _____

Thành viên ban Thư ký

3. Ban Kiểm Phấn:

Ông/ Bà _____

Trưởng ban Kiểm Phấn

Ông/ Bà _____

Thành viên ban Kiểm Phấn

Ông/ Bà

Thành viên Ban Kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

III. Giải thưởng Chương trình Đại hội

Ông Nông Văn Lạc – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ HĐQT 2018 - 2019 và phương hướng nhiệm vụ HĐQT 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2018 - 2019 và phương hướng hoạt động niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2018 - 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình Thông qua Báo cáo HĐQT, BCS.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh HĐQT 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh HĐQT 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình trả lời báo HĐQT, BCS, ban TGD niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tổ trình việc cho thuê HĐQT kiểm TGD.

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

Cổ đông nêu ý kiến như sau:

1. _____
2. _____
3. _____

Ông ... - Chức vụ ... giải đáp như sau:

1. _____
2. _____
3. _____

PHẦN IV. CỘ HỒNG HIỆU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung của Báo cáo và các Tổ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết như cơ chế sau nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch niên độ 2019 - 2020.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 - 2020.

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện NDTC 2018 - 2019	Kế hoạch NDTC 2019 - 2020	KHI/TH (%)
1	Sản lượng tiêu thụ:				
	- Sản lượng tiêu thụ cho SX đường	Tấn	198.894	182.000	84,95
	- Sản lượng tiêu thụ cho xuất khẩu	Tấn	2.000	0	-
2	Sản lượng đường	Tấn	18.945	17.032	89,90
3	Sản lượng xuất xi nhớt khác	Tấn	8.373	6.480	77,28
4	Sản lượng phân vi sinh	Tấn	29	0	-
	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	1.261	8.800	475,81
5	Tổng doanh thu	Đã	182.180	234.541	144,61
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	(28.755)	1.605	-
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	(28.755)	1.324	-

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Xã lập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần MISA Đường Cao Bằng

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 - 2019.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020.

1. Không phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2018 - 2019.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2019 - 2020 của Công ty Cổ phần Tiến Hưng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là ... triệu đồng, HĐQT đề xuất, sử dụng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019 - 2020 để bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (nếu có) riêng ty sẽ phân phối theo quy định.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Điều 5. Thông qua thủ tục lao của HĐQT, BKS, ban TGDG niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục lao của HĐQT, BKS, ban TGDG niên độ 2019 - 2020.

Nội dung chi tiết thủ tục lao của HĐQT, BKS, ban TGDG trong tờ trình thủ tục lao HĐQT, BKS, ban TGDG niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục lao HĐQT, BKS, ban TGDG niên độ 2019 - 2020.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2019 - 2020.

Cụ quyết của Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và chi phí kiểm toán với chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đại diện chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn

Xin báo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần Tiến Hưng Cao Bằng



giáo dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chỉ định lưu chuyển lưu
chọn theo vị kiến toán cho niên độ tài chính 2018 - 2020.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc chỉ định HĐQT kiêm HĐQT

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 8: Thông qua Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần MISA đường Cao
Bằng.**

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự
họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

PHẦN V: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày - Ông/ Bà: đọc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Người trình bày - Ông/ Bà: đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2019 với: ...% số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần MISA đường Cao Bằng.

Đại hội kết thúc: ... giờ ... cùng ngày.

THỦ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ĐOÀN

Nông Văn Lạc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Cao Bằng, ngày 11 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Chương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Điều lệ bầu kiểm toán quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 11/10/2019;
- Căn cứ Điều lệ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 11/10/2019.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 11/10/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức với sự tham gia của [...] cổ đông và đại diện cổ đông, số hữu và đại diện số hữu của [...] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm [...] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tổ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điểm 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm độ 2018 – 2019 và kế hoạch năm độ 2019 – 2020.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phần không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Biểu 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 – 2020.

Kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 - 2020:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện NDTC 2018 - 2019	Kế hoạch NDTC 2019 - 2020	KH/TH (%)
1	Sản lượng tiêu thụ:				
	- Sản lượng tiêu thụ cho SX đường	Tấn	190,694	162,000	84,95
	- Sản lượng tiêu thụ cho xuất khẩu	Tấn	2,022	0	-
2	Sản lượng đường	Tấn	18,945	17,852	93,69
3	Sản lượng mặt ri nháy khô	Tấn	8,171	6,488	77,19
4	Sản lượng phân vi sinh	Tấn	25	0	
	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	1,261	6,080	479,81
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	162,188	234,241	144,81
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	28,753	1,855	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	28,753	1,324	

Phần biểu quyết

Tổng số phần tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phần không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phần không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phần không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Biểu 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 – 2019.

Phần biểu quyết:

Tổng số phần tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phần không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tài liệu dự họp công bố công khai tháng năm năm 2019 - Công ty Cổ phần Bê tông Cầu Đàng

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020.

1. Không phân phối lợi nhuận năm 2018 - 2019.
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm độ 2019 - 2020 của Công ty Cổ phần Miền đường, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,124 triệu đồng. HĐQT đề xuất, và được kỳ nhận sau thuế thực hiện của năm độ tài chính 2018 - 2020 đã bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (sau khi công ty sẽ phân phối theo quy định.

Phân bổ quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Điều 5. Thông qua thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2019 - 2020.

Nội dung chi tiết thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD trong tờ trình thủ tục HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2019 - 2020.

Phân bổ quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phiếu quyết định dự họp.

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm độ 2019 – 2020,

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chỉ định lựa chọn lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2019 - 2020.

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Hòa đường Cao Bằng.

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nghị quyết được HĐQT thông qua tháng 10 năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nông Văn Lưu

